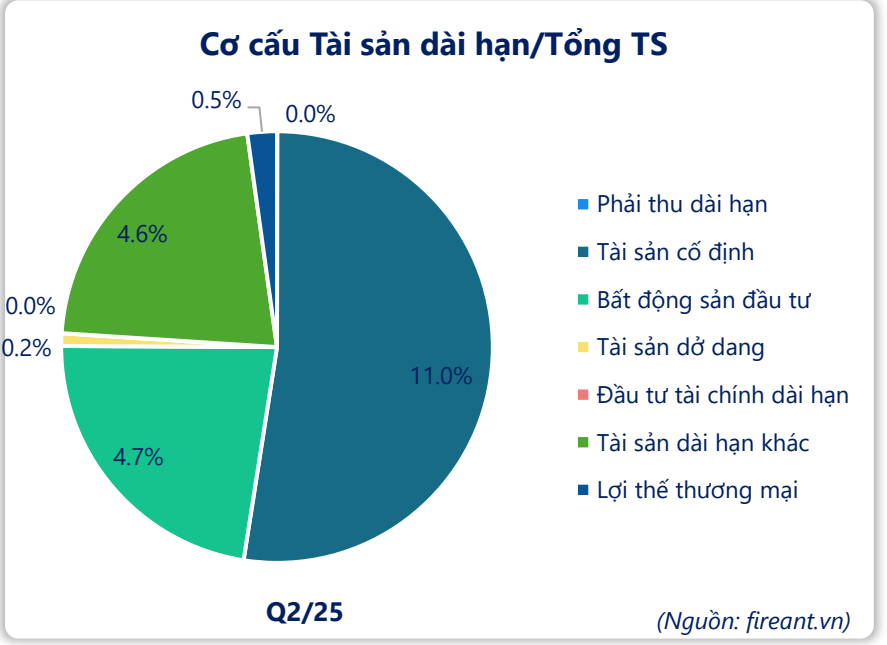
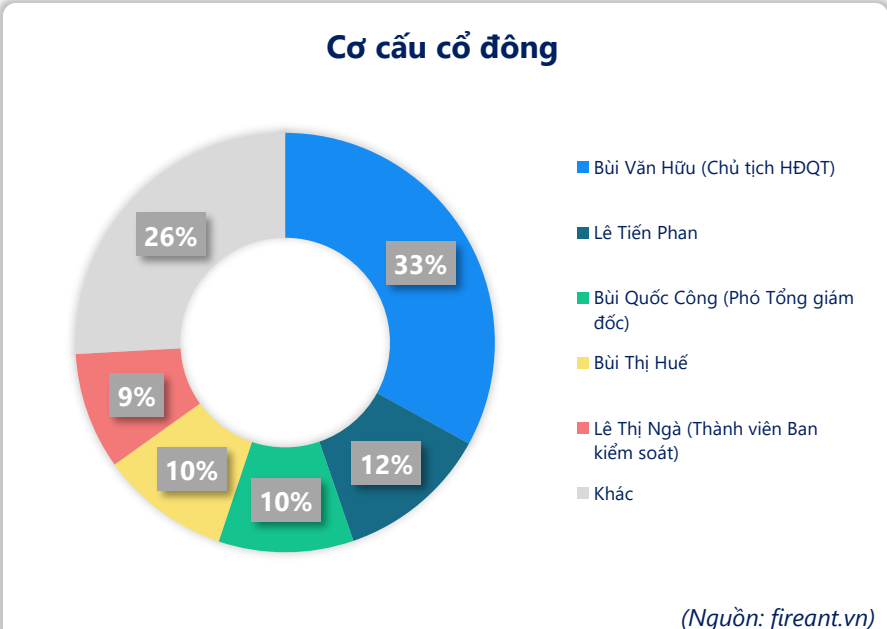
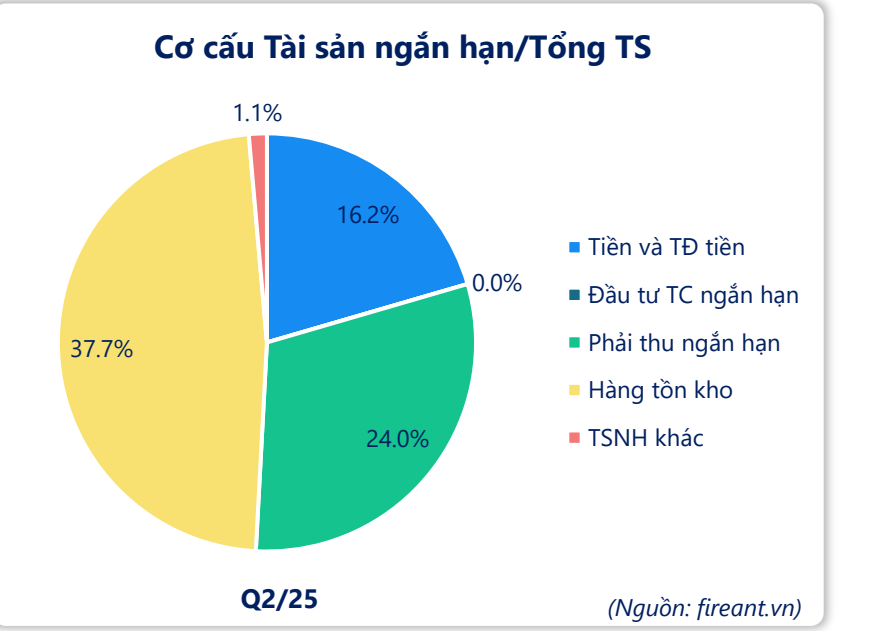
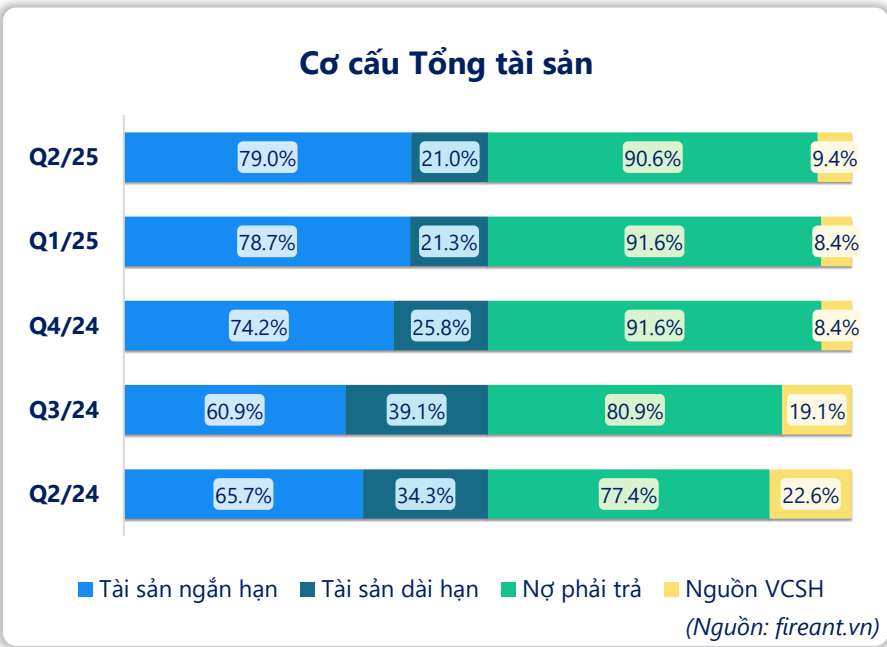
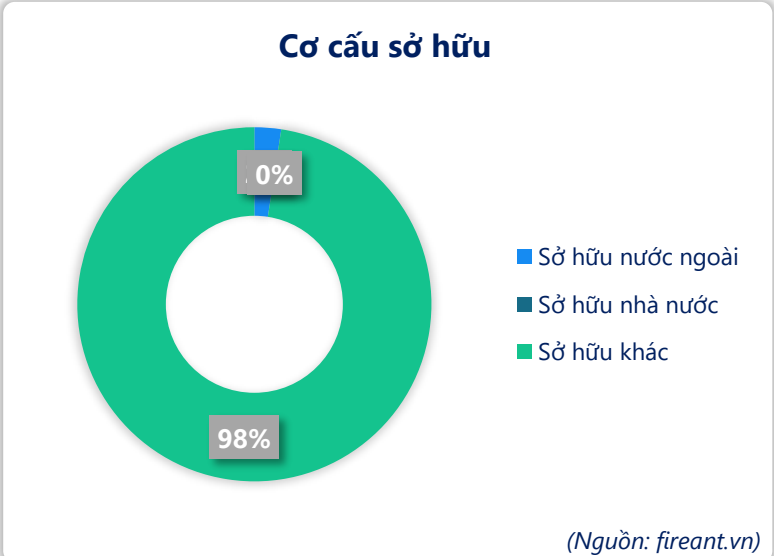
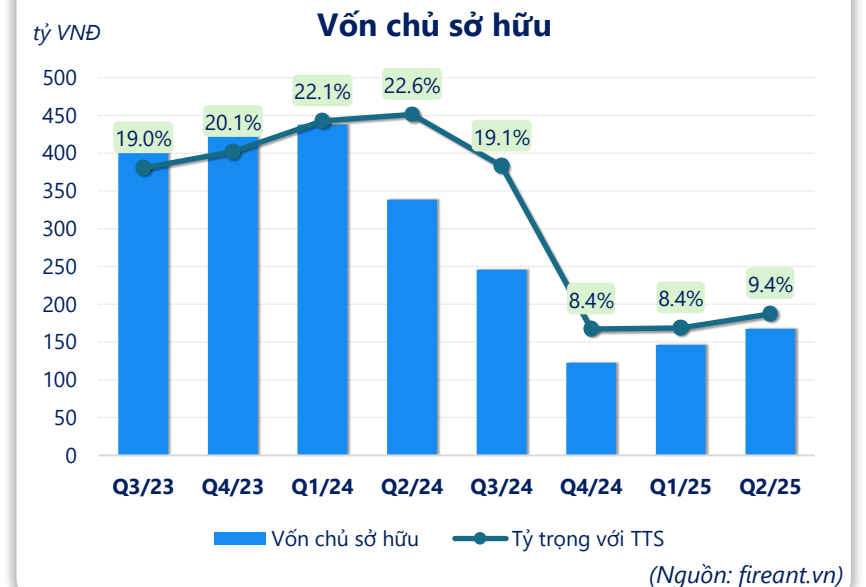
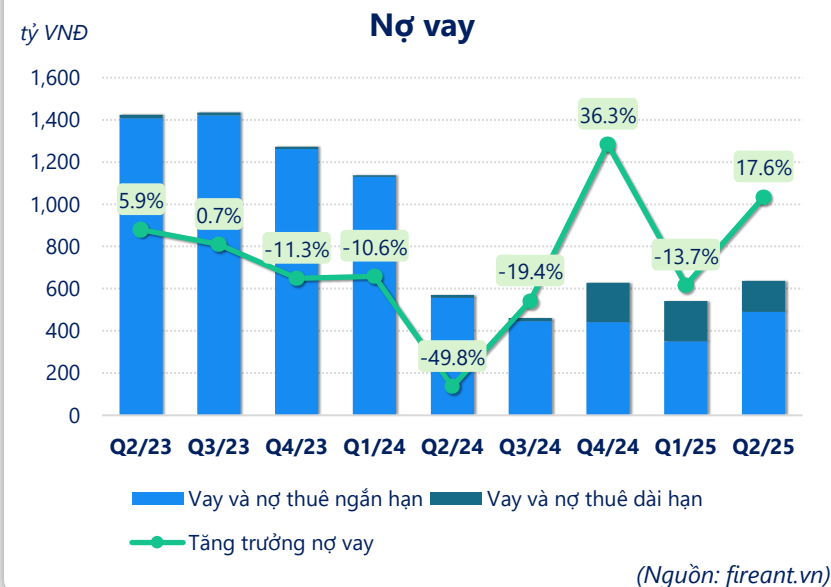
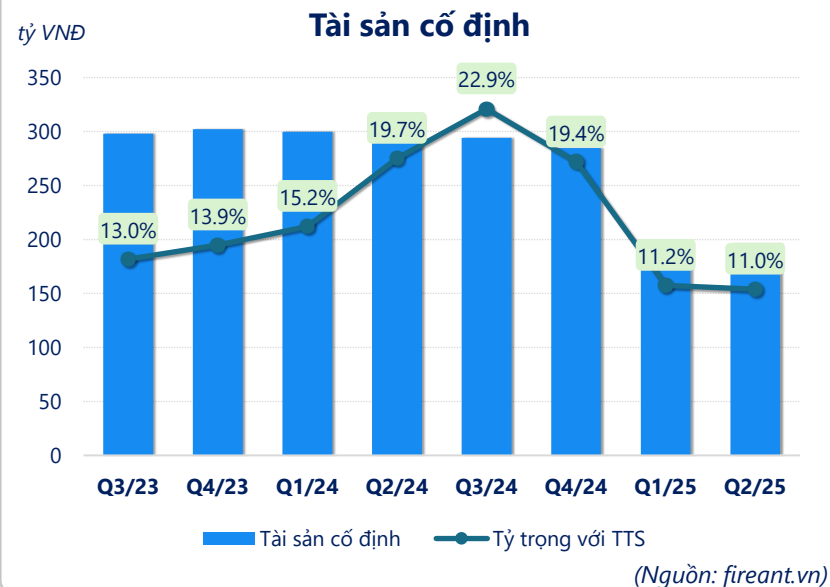
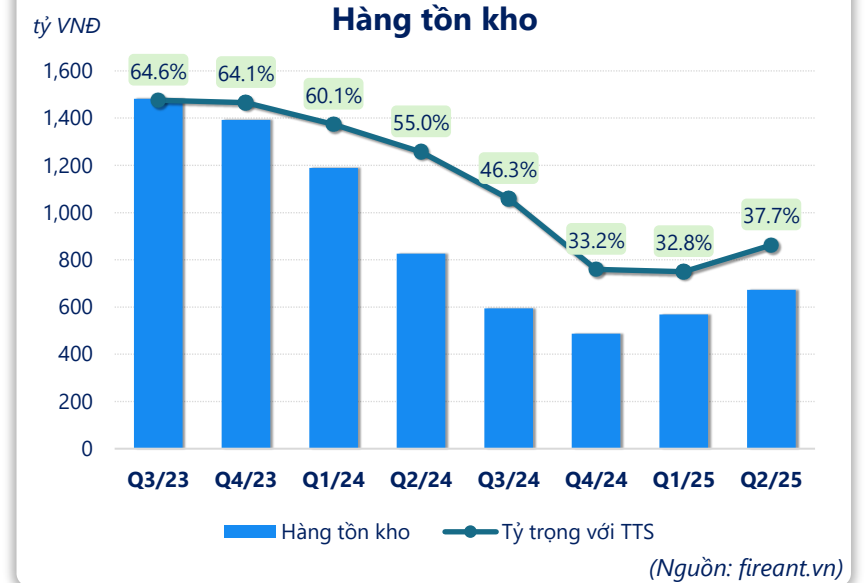
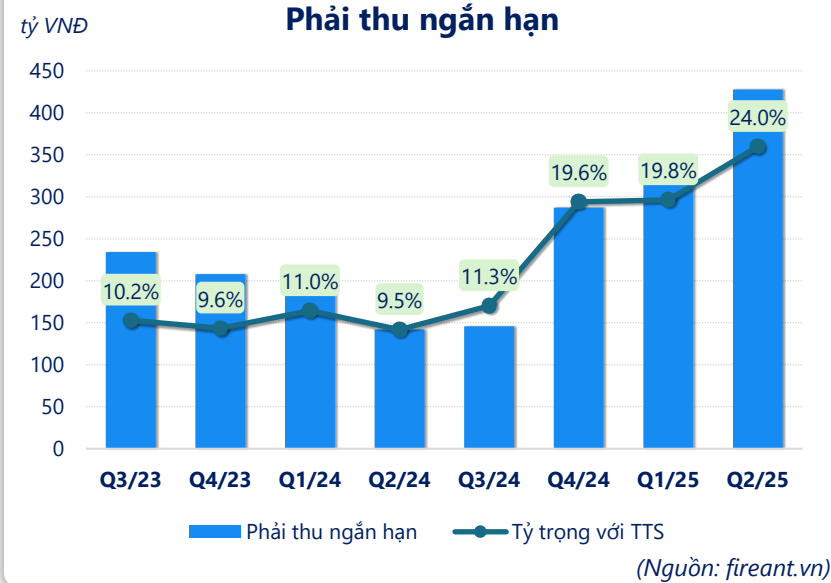
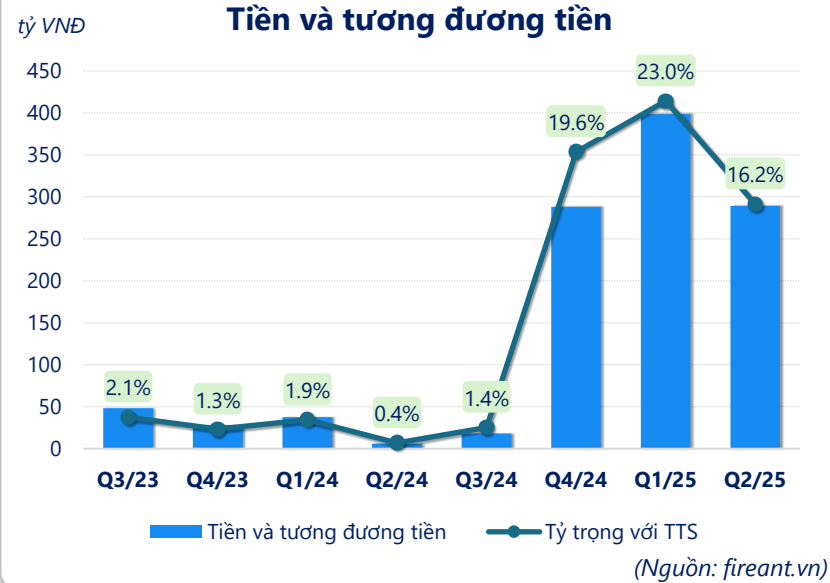
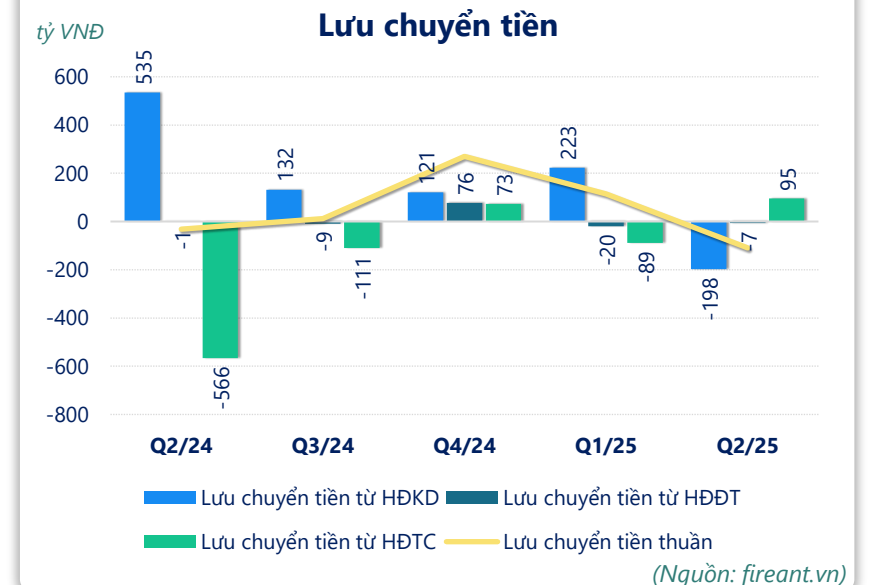
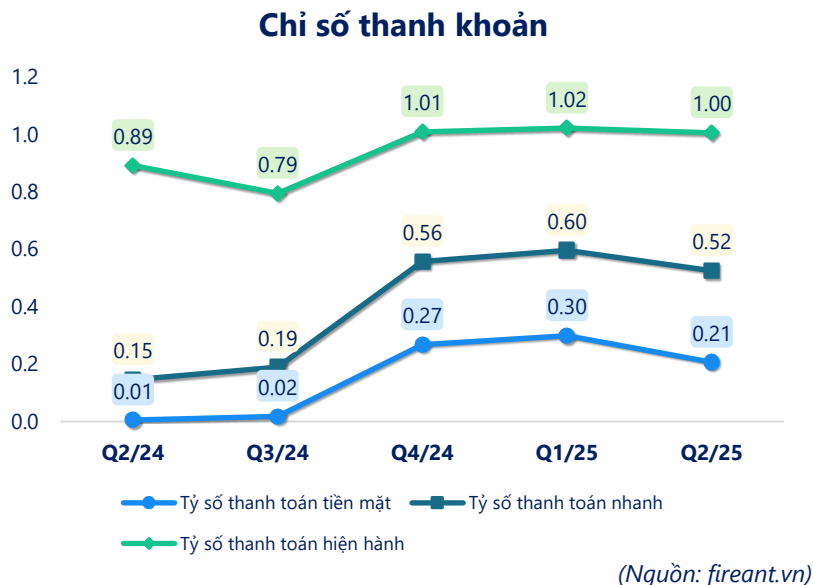
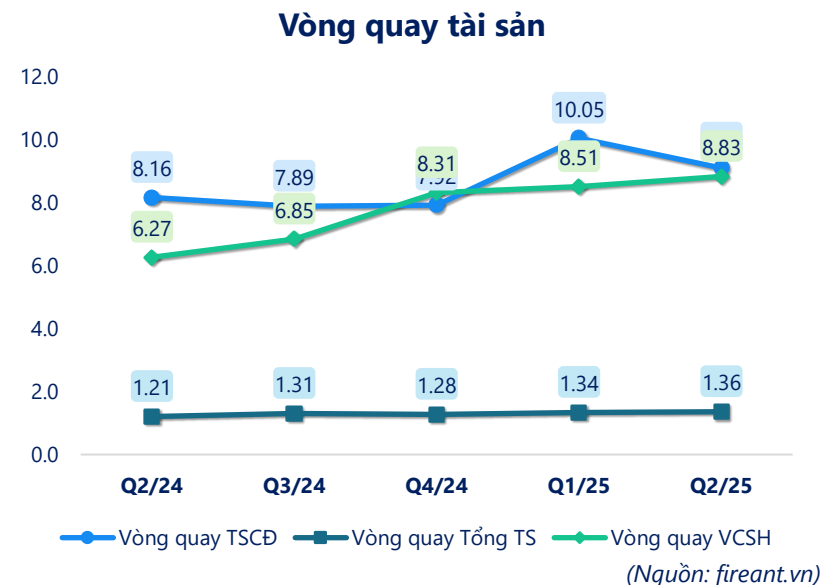
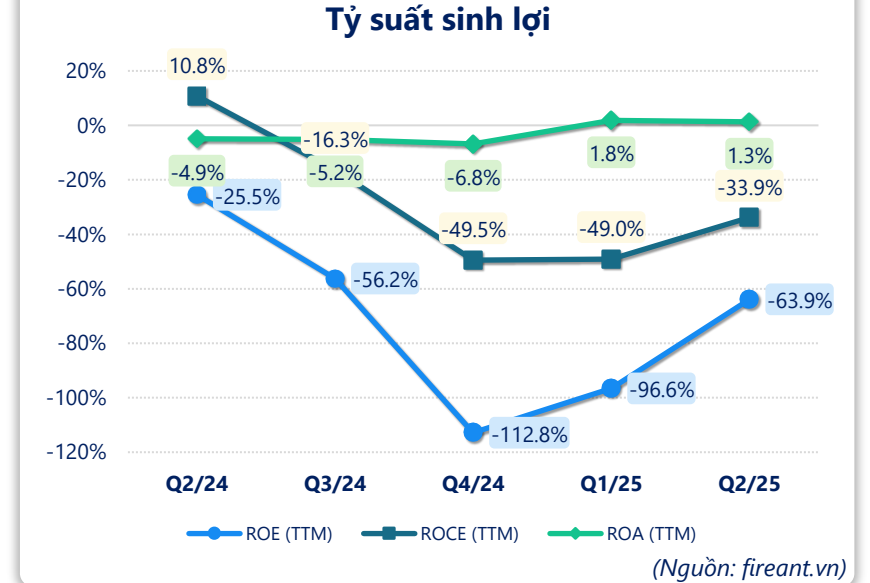
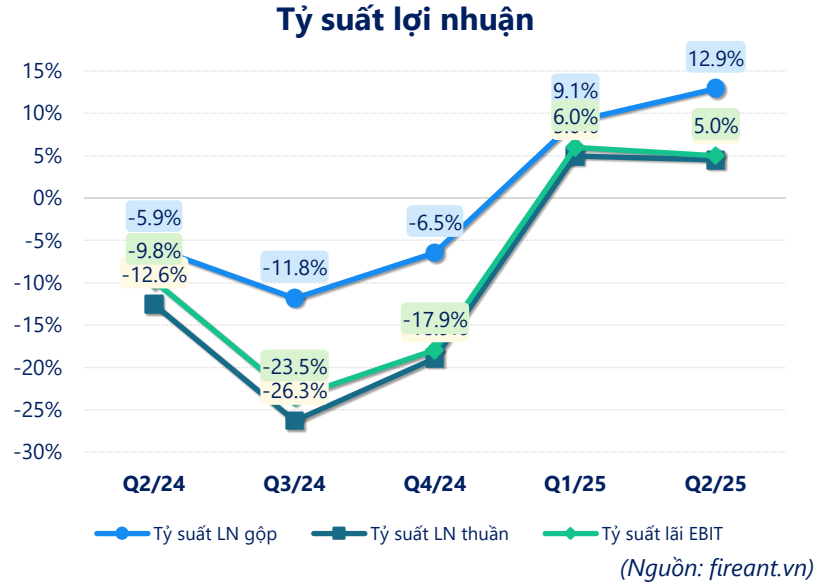
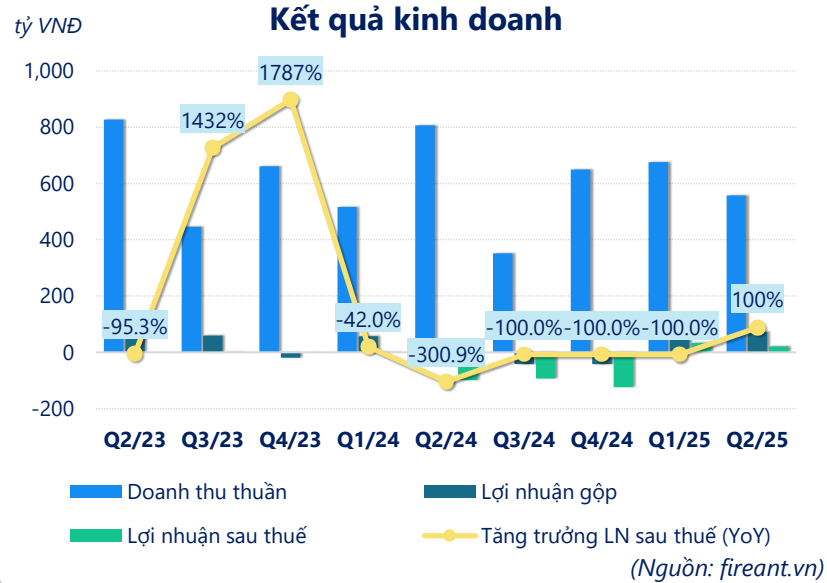


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,470
SL cổ phiếu LH		36,877,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,505
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		430
P/E		-2.7
EPS		-4,381

	YTD	1T	3T	6T
TMT	11.0%	-1.3%	-13.1%	54.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,784	1,466	21.7%
Tài sản ngắn hạn	1,410	1,089	29.4%
Tiền và tương đương tiền	289	284	1.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	18.3	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	428	279	53.2%
Hàng tồn kho	673	485	38.7%
Tài sản ngắn hạn khác	19.6	22.2	-11.6%
Tài sản dài hạn	374	377	-0.7%
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản cố định	196	199	-1.4%
Bất động sản đầu tư	84.6	85.6	-1.2%
Tài sản dở dang	3.53	0.93	278%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	81.4	81.9	-0.6%
Lợi thế thương mại	8.25	9.00	-8.3%
Nợ phải trả	1,617	1,353	19.5%
Nợ ngắn hạn	1,403	1,079	30.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	490	443	10.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	795	309	157%
Nợ dài hạn	213	275	-22.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	147	187	-21.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	167	112	48.9%
Vốn chủ sở hữu	167	112	48.9%
Vốn điều lệ	373	373	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	807	352	649	676	558
Giá vốn hàng bán	855	394	691	614	486
Lợi nhuận gộp	-47.6	-41.7	-42.0	61.3	71.9
Doanh thu HĐTC	1.70	2.29	0.19	0.58	2.48
Chi phí TC	22.6	12.2	45.3	6.63	16.4
Chi phí lãi vay	21.2	9.69	7.76	6.63	6.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.7	22.7	22.7	8.71	19.0
Chi phí QLDN	19.1	18.4	12.9	13.0	14.0
LN thuần từ HĐKD	-101	-92.6	-123	33.5	25.0
Lợi nhuận khác	1.30	0.08	-1.53	0.27	-3.64
LN trước thuế	-100	-92.5	-124	33.8	21.4
Lợi nhuận sau thuế	-99.2	-92.8	-124	33.8	21.2
LNST của CĐ cty mẹ	-99.2	-92.7	-124	33.8	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	535	132	121	223	-198
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.16	-8.86	76.4	-20.2	-7.15
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-566	-111	72.7	-88.8	95.3
Tiền đầu kỳ	37.7	5.73	18.2	284	398
Lưu chuyển tiền thuần	-32.0	12.4	270	114	-109
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	0	-0.09	0	-0.17
Tiền cuối kỳ	5.73	18.2	288	398	289

(Nguồn: fireant.vn)